

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 22 tháng 5 năm 2020.
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảng;
2. Ông Trịnh Văn Nhất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 487/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Thôn Y, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thông B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Y, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào ngày 04/10/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau hai năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn Văn D chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Đến tháng 11/2018 thì vợ chồng ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn D có một con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 08/11/2014. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung,

không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Hiện nay, chị làm công nhân, thu nhập 10.000.000 đồng mỗi tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Nguyễn Văn D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 24/02/2020, bố đẻ anh D là ông Nguyễn Văn Tuyển cung cấp: Anh D hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang sống cùng gia đình ông. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề kinh tế, vợ chồng đã ly thân.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn D, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử:

+ Chị Lương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Linh C, sinh ngày 08/11/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, giải quyết nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lương Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị Lương Thị N và anh Nguyễn Văn D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh D kết hôn ngày 04/10/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống cùng với nhau. Chị N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh D nữa. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử chị N được ly hôn anh D.

[3]. Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 08/11/2014. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh D không có quan điểm thể hiện việc có nguyện vọng nuôi con chung hay không. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu C vẫn đang sinh sống cùng với chị N, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do vậy, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Lương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Linh C, sinh ngày 08/11/2014. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000748 ngày 06/12/2019. Xác nhận chị Lương Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp B;
- CCTHADS tp B ;
- UBND xã S, tp B;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Kiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn – Nguyễn Văn Bảng

Nguyễn Trần Kiên

